

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 01 đến 07/11/2025)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
+ Tổng lượng mưa: phổ biến từ 10-30mm, có nơi trên 40mm như: trạm Láng (Hà Nội) 44.8mm, ...
- Tổng lượng dòng chảy:
+ Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái tăng so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 9%.
+ Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang ở mức thấp hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy cao hơn với TBNN cùng kỳ 55%.
+ Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế giảm so với 7 ngày trước do dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy cao hơn so với TBNN cùng kỳ 36%.
+ Trên sông Hồng: Mức nước hạ lưu sông Hồng biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tuần qua cao hơn TBNN cùng kỳ 58%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
+ Tổng lượng mưa: phổ biến 10-40mm, có nơi trên 60mm.
- Tổng lượng dòng chảy:
+ Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái sẽ giảm và thấp hơn TBNN cùng kỳ 51%.
+ Trên sông Lô: Dòng chảy tại trạm Tuyên Quang sẽ giảm so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 25%.
+ Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế giảm so với 7 ngày trước do dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy tương đương so với TBNN.
+ Trên sông Hồng: Hạ lưu sông Hồng tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng điều tiết của các thủy điện tuyến trên. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ 23%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 10-30mm, có nơi trên 40mm như: trạm Bắc Ninh 47.3mm, trạm Thái Nguyên 41.1mm, ...
- Tổng lượng dòng chảy:
+ Trên sông Cầu, lưu lượng dòng chảy biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại

trạm Gia Bảy giảm so với tuần trước nhưng vẫn cao hơn so với TBNN cùng kỳ 101%.
+ Trên sông Lục Nam: dòng chảy trên sông Lục Nam đang biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ giảm so với kì trước nhưng vẫn cao hơn so với TBNN cùng kỳ 37%.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: phổ biến 10-40mm, có nơi trên 60mm.
- Tổng lượng dòng chảy:
+ Trên sông Cầu, dòng chảy tại trạm Gia Bảy tiếp tục biến đổi chậm theo xu thế xuống; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy giảm so với kì trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 11%.
+ Trên sông Lục Nam, dòng chảy tiếp tục biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ dự báo thấp hơn kì trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 39%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: Thanh Hóa và phía Bắc Nghệ An phổ biến 20-50mm, có nơi trên 70mm. Nam Nghệ An đến Huế phổ biến 500-900mm, có nơi trên 1200mm như trạm Kỳ Anh (Hà Tĩnh) 1350.8mm, trạm A Lưới (Tp. Huế) 1259.2mm, trạm Nam Đông (TP. Huế) 1860.5mm, ...
Tổng lượng dòng chảy:
+ Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An giảm hơn so với tuần trước, các sông ở Hà Tĩnh tăng hơn. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 39%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn 24%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 33%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt tương đương TBNN cùng kỳ.
+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tuần, trên các sông đã xuất hiện 1 đợt lũ. Đỉnh lũ trên các sông ở Quảng Trị ở mức trên dưới BĐ2, các sông ở thành phố Huế đều vượt BĐ3. Dòng chảy trên các sông tăng cao. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 511%.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: Phía nam phổ biến 300-600mm, có nơi trên 800mm.
Tổng lượng dòng chảy:
+ Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa giảm hơn so với tuần trước, các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh tăng hơn. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 33%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn 22%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm cao hơn 12%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn 32%.
+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tuần tới, trên các sông có khả năng xuất hiện một đợt lũ. Dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 284%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 200-500mm, có nơi trên 500mm như trạm Đà Nẵng 548.5mm, trạm Bà Nà (Tp. Đà Nẵng) 562.2mm, trạm Hội An (Quảng Nam) 1547mm, trạm Trà My (Quảng Nam) 523.7mm, trạm Lý Sơn (Quảng Ngãi) 574.2mm, ...
Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần, trên các sông đã xuất hiện một đợt lũ. Dòng chảy trên các sông tăng cao. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 294%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn 231%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên thượng nguồn các sông tăng do có một đợt lũ từ 25-30/10 với biên độ 2-3m. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa cao hơn 449% , sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn cao hơn 12%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng cao hơn 59%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy cao hơn 385% , sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tà Pao thấp hơn 45% so với TBNN.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phía Bắc phổ biến 300-600mm, có nơi trên 800mm. Phía Nam phổ biến 100-200mm, có nơi trên 300mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần tới, trên các sông có khả năng xuất hiện một đợt lũ. Dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn cao hơn 104%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn 270%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Lưu lượng dòng chảy trên thượng nguồn các sông có khả năng xuất hiện một đợt lũ vào thời kỳ đầu, sau có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn thấp hơn so với TBNN 52% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức cao hơn 7%.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 100-200mm, có nơi trên 200mm như: trạm Ea H'leo (Đắk Lắk) 219.1mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên hệ thống sông Sê San và sông Krông Ana tăng cao trong giai đoạn này và cao hơn so với tuần vừa qua do xuất hiện một đợt lũ nhỏ và vừa; các sông khác thuộc lưu vực Srêpôk lưu lượng dòng chảy ở mức xấp xỉ và giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 75%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 47%. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến

đổi chậm với xu thế giảm dần.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 100-200mm, có nơi trên 300mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần tới, trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk có khả năng xuất hiện 1 đợt lũ, đỉnh lũ trên các sông có thể lên mức BĐ1-BĐ2. Lưu lượng dòng chảy trên hệ thống các sông tăng cao trong giai đoạn này. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 67%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 52%.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần, trên sông Tiền tại trạm Tân Châu cao hơn 38% so với TBNN và trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc cao hơn 32% so với TBNN.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 08/11/2025

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm
Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 01 đến ngày 07/11/2025

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	1.2	<97	0.1	0.6	0	0.1	0	0.1	0	0.9	<95
	Sơn La	0.4	<97	0	0	0	0	0	0.1	0.1	0.2	<98
	Hòa Bình	17.5	<47	0	0	1.8	0.2	0	0.2	18.8	21	<11
	Lào Cai	0.4	<99	0	0	0	0	0	1.9	0.3	2.2	<88
	Yên Bái	9.5	<71	0.2	0	0.1	0	0	0.1	2.3	2.7	<90
	Tuyên Quang	4.7	<81	0.2	0	1.1	0.2	0	0.6	5.8	7.9	<57
	Hà Giang	17.1	<58	0	0	0.4	0.3	0	3.3	0.6	4.6	<80
	Láng	44.8	>33	0	0	8.3	0.1	0	0.2	17.6	26.2	<4
	Thái Bình	5	<90	4.5	0	0.9	0.4	0.1	1.4	19.4	26.7	<15
	Nam Định	7.4	<86	0	0	2.6	0.4	0.1	1	23.1	27.2	>11
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	5.1	<69	0	0	0.3	0.1	0	1.1	2	3.5	<72
	Thái Nguyên	41.1	>112	0.2	0	0	0	0	0.1	14.1	14.4	<18
	Bắc Ninh	47.3	>43	0	0	4.2	0.1	0	0.2	12.1	16.6	<26
	Lạng Sơn	18	>2	0	0	6.2	0.4	0	0.2	1.6	8.4	<48
	Bắc Giang	22.8	>23	0	0	5.6	0	0	0.2	9	14.8	<29
	Hải Dương	15.8	<35	0.7	0	4.1	0	0	0.4	24.4	29.6	>15
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	6.9	<71	2.1	0	1.9	0.3	0	0.5	19.3	24.1	>42
	Bái Thượng	14.9	<67	8.4	0	3.7	0.7	0	1	23.5	37.3	>38
	Thanh Hóa	15.9	<69	5.7	0.3	3.4	1	0	1.4	32.9	44.7	>60
	Quỳ Châu	8.6	<88	19.6	0	6.1	1.8	0	0.4	24	51.9	>125
	Cửa Rào	38.4	>46	3.5	0	1.8	0.4	0	1	19.3	26	>177
	Đô Lương	93.3	<4	58.6	11.7	8.1	2.7	0	1	52.2	134.3	>366
	Vinh	177.3	>17	103.8	59.1	22.9	5.9	0	1.6	46.5	239.8	>792

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
	Hương Sơn	195.4	>81	56.9	58.1	52	5.9	0	0.8	32.9	206.6	>495
	Hương Khê	285.5	>99	52.8	45.8	44.1	6.5	0	2.4	56.3	207.9	>216
	Hà Tĩnh	477.5	>141	112	62.7	34.4	5.5	0.5	4.4	58.3	277.8	>351
	Đồng Hới	639.3	>326	98.5	58.4	110.6	5.9	37.6	1.9	43.6	356.5	>265
	Quảng Trị	379.8	>109	169.5	277.7	277.3	59	28.1	12.6	48.3	872.5	>524
	Nam Đông	1860.5	>491	114.8	450.9	85.7	4	8	66.3	68.6	798.3	>169
	Huế	1055.4	>362	99.6	125.5	44.6	6	25.5	28.1	52.1	381.4	>69
Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	548.5	>178	46.3	306.2	13.9	2.2	9.7	41.7	52.9	472.9	>170
	Trà My	523.7	>42	107.1	32	10.9	11.4	9.5	59.5	41.6	272	<15
	Ba Tơ	227.7	<27	59.1	50	4.3	7.3	9.3	71.5	40.8	242.3	<17
	Quảng Ngãi	294.4	>24	85	50	12.7	18.5	7.7	49	16.3	239.2	>25
	Quy Nhơn	337.5	>100	10.2	0	7.2	8.5	6.2	78.1	35.6	145.8	<7
	An Khê	212.8	>78	1.8	2.3	1.8	2.9	2.1	35.6	54.9	101.4	<16
	Tuy Hòa	169.9	<19	0	6.4	3.2	6.5	7.2	118.2	84.5	226	>13
	Nha Trang	36.1	<76	4.9	2.8	0.2	5.5	12.5	62	9.8	97.7	<24
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	119.8	>269	4.5	5.9	1.3	2.8	1.7	21.6	39.2	77	>158
	Lắk	110	>159	3.8	7.8	12.6	5.8	27.2	77.3	42.7	177.2	>348
	Buôn Mê Thuật	59.6	>28	26.4	49.7	18.6	6.7	5.2	73.2	55.4	235.2	>560
	Biên Hòa	165.7	>132	70	4.2	6.3	19.2	8.5	3.9	3.5	115.6	>195
	Cần Thơ	173.5	>109	11.2	14.4	4.4	13.4	6.6	4.7	0.9	55.6	>16

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 01 đến ngày 07/11/2025

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo (từ ngày 22-31/10)	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				01/11	02/11	03/11	04/11	05/11	06/11	07/11	Tổng	So sánh TBNN (%)
Thao	Yên Bái	442	<9	29	28	27	26	25	24.0	23	182	<51
Lô	Tuyên Quang	585	>45	35	36	34	34	33	35.0	39	245	<25
Đà	Hồ Hòa Bình	1415	>36	104	112	108	104	99	95.0	90.7	713	>5
Hồng	Hà Nội	2294	>58	193	183	173	183	193	198	202	1325	>23
Cầu	Gia Bảy	70	>101	5.7	5.5	5.3	5.0	5.0	4.7	4.7	35.8	>11
Lục Nam	Chũ	22	>37	1.8	2.0	2.1	1.9	1.9	1.9	1.8	13.4	<39
Mã	Cắm Thủy	292	> 39	60.2	49.0	37.2	32.3	29.7	26.8	24.9	260	>33
Cả	Yên Thượng	373	<24	88.2	71.9	54.4	47.4	43.6	39.2	36.5	381	<22
La	Hòa Duyệt	160	~ TBNN	56.0	45.6	34.6	30.1	27.7	24.9	23.2	242	>32
Tả Trách	Thượng Nhật	248	>511	19.4	23.8	21.6	17.3	14.7	12.8	11.4	121	>284
Thu Bồn	Nông Sơn	2946	>294	276.5	286	248.8	181.4	159.8	121.0	105.4	1379	>104
Trà Khúc	Sơn Giang	1667	>231	216	302.4	324	259.2	243.6	216.0	198.7	1760	>270
Ba	Củng Sơn	294	>12	82.1	58.8	47.5	36.3	30.2	27.7	24.2	306.7	<52
Cái N,T	Đồng	60	>57	10.4	13.0	10.8	10.8	9.9	9.5	8.2	72.6	>7

Sông	Trạm	Thực đo (từ ngày 22-31/10)	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				01/11	02/11	03/11	04/11	05/11	06/11	07/11	Tổng	So sánh TBNN (%)
	Trăng											
ĐăkBlá	KonTum	32	<75	3	2.8	2.7	2.7	3.1	7.9	13.0	35	<67
Srêpôk	Giang Son	174	>47	22.0	22.7	23.1	22.9	22.5	23.2	24.5	160.8	>52
Tiền	Tân Châu			2080	2054	2020	2011	1985	1951	1925	14028	>38
Hậu	Châu Đốc			482	463	443	432	428	407	396	3049	>32